

Xy lanh tiêu chuẩn

DSBC-...-40- -

Số bộ phận: 1461995

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Hành trình	1 mm...2800 mm
Ø pít tông	40 mm
Ren thanh pít tông	M8 M12x1,25
Góc xoay tối đa của thanh piston +/-	-0.6 °...0.6 °
Dựa trên tiêu chuẩn	ISO 15552
Đệm	Các vòng / tấm đệm đàn hồi ở cả hai đầu Giảm chấn vị trí cuối bằng khí nén tự điều chỉnh Đệm khí nén ở cả hai bên điều chỉnh được
Vị trí lắp đặt	bất kì
Tuân theo tiêu chuẩn	ISO 15552
Cấu trúc xây dựng	Pít tông Cần piston Ổng định hình
Phát hiện vị trí	cho các công tắc gần
Các biến thể	Để chạy khô Thiết bị kẹp được lắp Khóa vị trí cuối ở cả hai bên Khóa vị trí cuối khi thanh pít tông được rút lại Khóa vị trí cuối khi thanh pít tông được kéo dài Tăng khả năng chống hóa chất Bellows trên nắp ổ trục Dụng cụ nạo cứng Ren ngoài thanh pít-tông kéo dài Ren trong trên thanh piston Thanh pít tông kéo dài Ma sát thấp cho các ứng dụng cân bằng Dụng cụ nạo kim loại Với bảo vệ chống xoắn Đồng đều, chuyển động chậm Ít ma sát Ty pít tông liền mạch Vòng bít chịu nhiệt tối đa 120 °C Các rãnh cảm biến trên 3 mặt tiết diện Phạm vi nhiệt độ 0 đến + 150 °C Phạm vi nhiệt độ -40 đến + 80 °C thanh pít-tông một mặt

Đặc tính	Giá trị
Phương thức hoạt động của bộ phận khóa	kéo vào kéo ra tĩnh Nổi lỏng bằng khí nén kẹp ma sát bằng lực lò xo
Cụm khóa lực giữ tĩnh	1000 N
Cụm khóa khoảng cách dọc trục	0.5 mm
Áp suất nhả cụm khóa	0.3 MPA
Áp suất nhả thiết bị kẹp	3 bar
Cách thức hoạt động của khóa vị trí cuối	khóa liên động bằng xy-lanh khóa Nổi lỏng bằng khí nén
Lực giữ tĩnh khóa cuối hành trình	500 N
Khe dọc trục của khóa vị trí cuối	1.3 mm
Áp suất mở khóa	0.25 MPA
mở khóa áp lực	2.5 bar
Áp suất khóa	0.05 MPA 0.5 bar
Áp suất vận hành	0.01 MPA...1.2 MPA 0.1 bar...12 bar
Nguyên tắc vận hành	tác động kép
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị chống cháy nổ của EU (ATEX)
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK EX
Chống cháy nổ	Vùng 1 (ATEX) Vùng 1 (UKEX) Vùng 2 (ATEX) Vùng 21 (ATEX) Vùng 21 (UKEX) Vùng 22 (ATEX)
Phê duyệt bảo vệ Ex bên ngoài Liên minh Châu Âu	EPL Db (GB) EPL Gb (GB)
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)
Lớp chống ăn mòn KBK	2 - bị ăn mòn vừa phải 3 - ứng suất ăn mòn mạnh
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B1/B2-L VDMA24364 Vùng III
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-40 °C...150 °C
Năng lượng va chạm ở các vị trí cuối	0.2 J...0.7 J
Chiều dài đệm	0 mm...19 mm
Mô-men xoắn cực đại của thiết bị chống quay	1.1 N m
Lực lý thuyết ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), dòng hồi	633 N
Lực theo lý thuyết tại 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), luống	633 N...754 N
Trọng lượng bổ sung cho mỗi cho 10 mm chiều dài thanh pít-tông	16 g
Trọng lượng bổ sung cho mỗi 10 mm kéo dài ren thanh pít-tông	8 g
Kiểu gắn	với ren trong với phụ kiện tùy ý:
Cổng nối khí nén	G1/4
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu phủ	Nhôm đúc áp lực, trắng
Vật liệu thanh piston	thép không gỉ hợp kim cao, mạ crôm cứng thép hợp kim
Vật liệu vỏ xy lanh	Hợp kim nhôm rèn, anot hóa mịn